

Luận Ngữ Uẩn

Tôn Giả Thế Thân

Hán dịch: Huyền Tráng

Việt Dịch : TK Thích Tâm Hạnh

---o0o---

Nguồn

<https://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 10-10-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

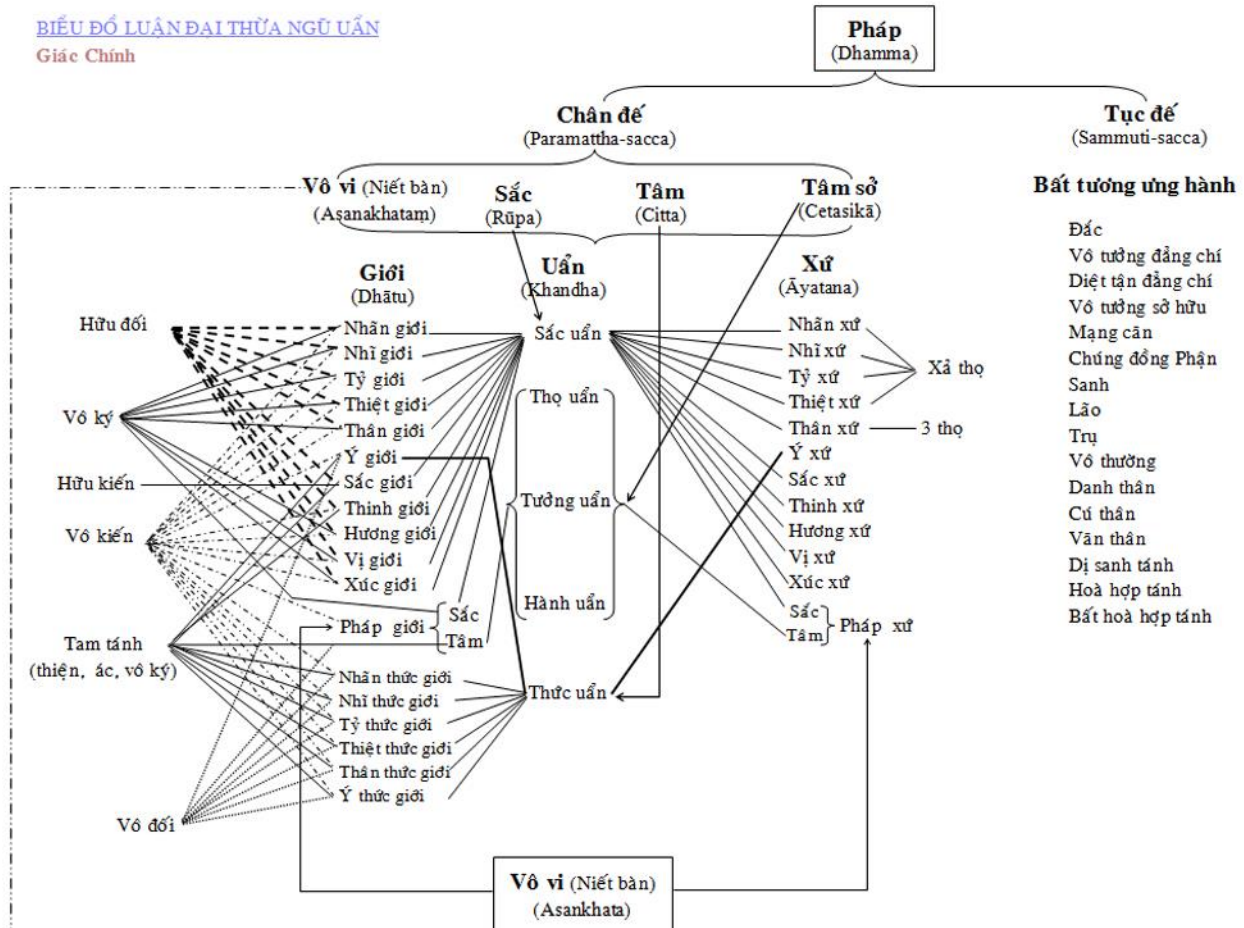
[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LUẬN NGŨ UẨN

LUẬN QUẢNG NGŨ UẨN

---o0o---



---o0o---

LUẬN NGŨ UẨN

Nguyên tác: Tôn giả Thế Thân (Acarya Vasubandhu)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng

Việt dịch: Tỳ khưu Tâm Hạnh

Đức Thế Tôn nói về Ngũ uẩn: Sắc uẩn; Thọ uẩn; Tưởng uẩn; Hành uẩn; Thức uẩn.

Sắc uẩn là gì? Là bốn đại chủng¹ và những sắc² do bốn đại chủng tạo thành.

Bốn Đại chủng là gì? Là Địa giới³, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới.

Địa giới là gì? Là thành tố cứng rắn, mềm mại. Thủy giới là gì? Là thành tố ẩm ướt và liên tục kết dính. Hỏa giới là gì? Là thành tố nhiệt độ như nóng, lạnh... Phong giới là gì? Là thành tố nhẹ, vừa và lưu chuyển.

Các sắc do bốn đại chủng tạo thành (dựa trên 4 yếu tố mà được thành hình - Tứ đại sở tạo) là gì? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và một phần của xúc trần và vô biểu sắc v.v...

Nhãn căn là gì? Là tịnh sắc lấy sắc trần làm đối tượng. Nhĩ căn là gì? Là tịnh sắc lấy thanh trần làm đối tượng. Tỷ căn là gì? Là tịnh sắc lấy hương trần làm đối tượng. Thiệt căn là gì? Là tịnh sắc lấy vị trần làm đối tượng. Thân căn là gì? Là tịnh sắc lấy xúc trần được tạo ra làm đối tượng. Sắc trần là gì? Là đối tượng của mắt, như hiển sắc⁴, hình sắc và biểu sắc⁵. Thanh trần là gì? Là đối tượng của tai, gồm những âm thanh do chấp thọ đại chủng làm nhân⁶, âm thanh do phi chấp thọ đại chủng làm nhân⁷, âm thanh do cả hai loại trên làm nhân. Hương trần là gì? Là đối tượng của mũi như mùi thơm, mùi hôi và các loại mùi khác. Vị trần là gì? Là đối tượng của lưỡi như các vị ngọt, bùi, chua, cay, đắng và nhạt.

Một phần của xúc trần là gì? Là đối tượng của thân, trừ 4 đại chủng năng tạo ra, tức là những xúc trần còn lại như tính chất trơn, rít, nặng, nhẹ, lạnh, nóng, đói, khát v.v...

Vô biểu sắc là gì? Là những sắc được sinh ra do biểu nghiệp hay định, không thấy và không có sự đối đãi.

Thọ uẩn là gì? Là 3 loại cảm thọ: khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ là những cảm giác dễ chịu, khi nó mất đi thì chúng ta muốn nó có lại; khổ thọ là cảm giác khó chịu, khi nó đến với ta thì ta không thích và muốn nó mất đi; bất khổ bất lạc là cảm giác không thuộc về 2 trường hợp trên.

Tưởng uẩn là gì? Là nắm giữ các tướng⁸ của đối tượng.

Hành uẩn là gì? Trừ thọ uẩn và tưởng uẩn ra, là các tâm sở còn lại và tâm bất tương ưng hành pháp.

Tâm sở⁹ là gì? Đó là các tâm sở cùng tương ưng với tâm vương. Các tâm sở này gồm:

- 5 biến hành : Xúc, tác, thọ, tưởng, tư;
- 5 biệt cảnh : Dục, thắng giải, niệm, định, tuệ;
- 11 thiện : Tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, xả, bất hại;
- 6 phiền não : Tham, sân, mạn, si, kiến, nghi;
- 20 tùy phiền não: Phẫn, hận, phú, não, tật, san, cuồng, siểm, kiêu, hại, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo, bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, bất chánh tri; và
- 4 bất định: ó tác (hối), thuy miên, tầm, tư.

Xúc là gì? Là sự hòa hợp của 3 pháp¹⁰, tính của nó là phân biệt.

Tác ý là gì? Là có tính năng làm cho tâm phát sinh sự hiểu biết.

Tư là gì? Là đối với công đức và lỗi lầm hay ngược lại với 2 trường hợp trên, khiến cho tâm tạo tác, tính của nó là ý nghiệp.

Dục là gì? Là đối với việc mình ưa thích, tính của nó là hi vọng.

Thẳng giải là gì? Tính năng của nó là xác định, đối với việc đã quyết định thì dứt khoát đúng như thế.

Niệm là gì? Tính năng của nó ghi nhận rõ sự việc mình đã từng trải qua khiến cho tâm không quên.

Định là gì? Tính của nó là không tán loạn đối với sự việc chúng ta đang quan sát khiến cho tâm và cảnh trở thành một.

Tuệ là gì? Có tính năng trạch pháp, đối với đối tượng được nhận thức theo như lý, hoặc phi lý, hoặc không thuộc như lý cũng không thuộc phi lý.

Tín là gì? Có tính năng làm cho tâm mình thanh tịnh phù hợp một cách chính xác với các Nghiệp, Thánh Quả, Tứ Đế và Tam Bảo.

Tàm là gì? Là tâm sở, tính của nó là nhờ vào thế lực của tự thân và năng lực của pháp¹¹ làm cho mình hổ thẹn với lỗi của mình.

Quý là gì? Là tâm sở, tính của nó làm cho mình sợ hãi trước thế lực của thế gian về lỗi của mình tạo ra.

Vô tham là gì? Là tính của nó rất nhàm chán, không lệ thuộc, đối trị với tâm tham.

Vô sân là gì? Tính của nó là Từ để đối trị tâm sân.

Vô si là gì? Tính chất của nó là nhận thức đúng như thật theo đối tượng, nó đối trị tâm si.

Tinh tiến là gì? Tính của nó là khiến cho tâm dừng mãnh trong các phẩm thiện, nó đối trị giải đãi

Khinh an là gì? Tính của nó là làm cho thân tâm được điều hòa dễ chịu, nó đối trị sự thô cứng, nặng nề.

Bất phóng dật là gì? Tính của nó là đối trị phóng dật, nghĩa là từ vô tham, vô sân, vô si, cho đến tinh tấn đều nương vào tâm sở bất phóng dật này để từ bỏ các pháp bất thiện, và tu tập pháp thiện để đối trị phóng dật.

Xả là gì? Tức không tham, cho đến tinh tấn vì nương vào đây nên đạt được tính bình đẳng của tâm, tính chân trực của tâm, tính không có công dụng¹² của tâm, nhờ đây mà loại trừ được những pháp nhiễm ô và an trụ trong pháp không nhiễm.

Bất hại là gì? Nghĩa là đối trị với hại, lấy Bi làm tính.

Tham¹³ là gì? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, ham mê đắm chấp làm tính.

Sân¹⁴ là gì? Nghĩa là đối với loài hữu tình ưa tổn hại làm tính.

Mạn¹⁵ là gì? Có bảy loại: mạn, quá mạn, mạn quá mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, ty mạn tà mạn.

Thế nào là Mạn? Nghĩa là đối với những điều họ kém thua mình thì cho mình là hơn, hoặc họ bằng mình thì cho mình bằng, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Quá mạn? Nghĩa là đối với những điều họ bằng mình mà cho mình hơn, hoặc họ hơn mình mà cho là mình bằng, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Mạn quá mạn? Nghĩa là người ta hơn mình mà mình cho rằng mình hơn họ, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Ngã mạn? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn tùy theo quan điểm cho là ngã hoặc ngã sở, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Tăng thượng mạn? Trong sự chứng đắc pháp thù thắng tăng thượng, mình chưa chứng cho là đã chứng, tính chất của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Ty mạn? Nghĩa là người ta hơn mình nhiều phần mà mình cho rằng mình cũng được phần nào, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Thế nào là Tà mạn? Nghĩa là mình thật sự không có đức mà cho là đã có, tính của nó là tâm kiêu ngạo.

Vô minh là gì? Nghĩa là đặc tính của nó là không có trí tuệ đối với Nghiệp, Bốn quả, Bốn Thánh đế và Tam Bảo. Nó có hai loại, phát sinh do: thứ nhất là câu sinh; thứ hai là phân biệt. Lại có dục lệ thuộc tham và sân, dục lệ thuộc vô minh¹⁶ gọi là ba bất thiện căn. Ba bất thiện căn bao gồm bất thiện căn tham, bất thiện căn sân và bất thiện căn si.

Kiến là gì? Gồm có năm kiến¹⁷: Thân kiến, Biên chấp kiến, Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ.

Thân kiến nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tùy theo quan điểm cho đó là ta, là cái của ta. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Biên chấp kiến nghĩa là do sức mạnh của Thân kiến tăng trưởng nên tùy theo quan điểm mà cho là thường hay đoạn. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Tà kiến có nghĩa là không tin hiểu vào nhân, không tin hiểu vào quả, hoặc phỉ báng tác dụng, hoặc phá hoại việc lành. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Kiến thủ nghĩa là đối với ba kiến trên và các uẩn làm nơi nương tựa của chúng, tùy theo cách nhìn mà chấp nó là bậc nhất, là trên hết, là hơn hết, là cùng cực. Đặc tính của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô.

Giới cấm thủ là gì? Là đối với giới cấm và nương vào các uẩn kia tùy theo nhận thức mà cho là thanh tịnh, là giải thoát, là xa lìa, lấy nhiễm ô tuệ làm tánh.

Thế nào là nghi? Là tánh do dự, phân vân đối với các sự thật.

Trong các phiền não, ba kiến sau và nghi chỉ phát khởi do phân biệt; còn lại thì phát khởi thông cả câu sanh và phân biệt.

Thế nào là phần? Là tánh chất khi gặp những việc đang xảy ra không có lợi cho mình thì sanh tâm phiền muộn.

Thế nào là hận? Là tính kết oán không chịu bỏ.

Thế nào là phú? Là tính che giấu tội lỗi của mình.

Thế nào là nã? Là tính chất oán giận phát ra lời hung ác, bản thủ.

Thế nào là tật? Là tính đối với việc thành công của người khác sanh tâm ganh ghét.

Thế nào là xan? Là tính của tâm tiếc của trái với sự bố thí.

Thế nào là cuồng? Là tính đối người bằng những việc không thật.

Thế nào là siểm? Là tính che giấu lỗi của mình, tìm cách bao che bằng tâm quanh co.

Thế nào là kiêu? Là tính của tâm dựa vào việc thịnh vượng của mình rồi tham đắm mà tự cao.

Thế nào là hại? Là tính chất làm tổn hại các loài hữu tình.

Vô tâm là gì? Là tính chất không tự xấu hổ đối với những lỗi mình làm.

Vô quý là gì? Là tính chất không cảm thấy xấu hổ, sợ hãi với người khác đối với những lỗi đã làm.

Hôn trầm là gì? Là tính chất không tinh táo, không chịu đựng, thường mê muội của tâm.

Điều cử là gì? Là tính chất không tĩnh lặng của tâm.

Bất tín là gì? Là đối nghịch với tín, không tin đúng đắn đối với nghiệp quả v.v... lấy tâm bất tịnh làm tánh.

Giải đãi là gì? Là đối nghịch với tinh tấn. Có tánh không mạnh dạn để làm các pháp thiện.

Phóng dật là gì? Là tánh do tham, sân, si, biếng nhác mà tâm không thể tu tập đối với các điều lành; không phòng hộ đối với các phiền não.

Thất niệm là gì? Là tánh của niệm bị nhiễm ô, ghi nhớ không rõ ràng đối với các pháp thiện.

Tán loạn là gì? Là tánh do tham, sân, si chi phối làm tâm phân tán.

Bất chánh tri là gì? Là tánh của những hành động của thân, khẩu, ý trong hiện tại không y cứ vào sự hiểu biết đúng.

Ó tác là gì? Là tính chất tâm không ổn định vì hồi hận.

Thùy miên là gì? Là tính chất tâm không tự chủ chuyển thành rất mê muội.

Tầm là gì? Là tánh năng tìm cầu (đối tượng) theo khái niệm do phân biệt khác nhau bằng tư và tuệ khiến cho tâm thô làm tánh.

Tứ là gì? Là tánh năng dò xét (đối tượng) theo khái niệm (ý ngôn) do phân biệt khác nhau bằng tư và tuệ khiến cho tâm vi tế làm tánh.

Bất tương ưng hành pháp là gì?

Là dựa vào những phần vị khác nhau của sắc, tâm và tâm sở, chỉ là giả đặt ra, thực chất nó không hoạt động, để xác định tính giống hay khác. Nó là gì? Là Đắc, Vô tướng đẳng chí¹⁸, Diệt tận đẳng chí, Vô tướng sở hữu, Mạng căn, Chúng đồng phận, Sinh, Lão, Tử, Vô thường, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Dị sinh tính v.v...

Đắc là gì? Là thu hoạch hoặc thành tựu. Ở đây có ba loại: Chủng tử, tự tại và hiện tiền, tùy theo trường hợp của nó.

Vô tướng đẳng chí là gì? Đã xa lìa được tham ở cõi trời Biến tịnh, nhưng vẫn chưa lìa tham ở các tầng trời trên. Đã xa lìa được tướng, trước tiên tác ý, đối với các Tâm và Tâm sở không hiện hành, đều diệt¹⁹.

Diệt tận đẳng chí là gì? Đã lìa được tham ở vô sở hữu xứ. Từ cõi thứ nhất (chỉ cho Vô sắc giới) mong cầu tiến lên, do đã dứt trừ được tướng, trước tiên tác ý, đối với các Tâm và Tâm sở không hiện hành, hoặc chỉ hiện hành một phần, đều diệt.

Vô tướng sở hữu là gì? Là quả của Vô tướng đẳng chí đã đạt được. Hữu tình sinh trong cõi trời Vô tướng thì tính của nó là những Tâm và Tâm sở không hiện hành, đều diệt hết.

Mạng căn là gì? Là trong Chúng đồng phận bị các nghiệp trước (tiền sử) đưa đến, tính chất của nó là quyết định thời gian tồn tại.

Chúng đồng phận là gì? Là các loài hữu tình, tự mỗi loài có đặc điểm giống nhau.

Sinh là gì? Là trong Chúng đồng phận, đặc tính là sự trước không, nay có của các pháp hữu vi.

Lão là gì? Là trong sự tương tục các hành như vậy, đặc tính của nó là biến đổi khác đi.

Trụ là gì? là trong sự tương tục của các hành như vậy, đặc tính của nó là dựa vào để chuyển biến.

Vô thường là gì? Là trong sự tương tục các hành, đặc tính của nó là hoại diệt. Danh thân là gì? Đặc tính của nó là từ ngữ khái niệm về tự tánh của các pháp.

Cú thân là gì? Đặc tính của nó là câu (văn) khái niệm về sự khác nhau của các pháp.

Văn thân là gì? Là những chữ cái. Nhờ có chữ cái mà nó có thể hiện tính chất của hai loại trên. Cũng gọi là “hiển”, do làm chỗ sở y cho danh thân và cú thân để làm rõ nghĩa; còn gọi là “tự”, vì không do sự sai biệt của danh và cú mà làm nó bị biến đổi.

Dị sinh tính là gì? Đặc tính của nó là chưa đắc được các pháp của bậc thánh (chỉ cho phàm phu).

Các loại như vậy, đến đây đã nói xong về Hành uẩn.

Thức uẩn là gì? Đặc tính của nó là phân biệt đối tượng, cũng gọi là tâm ý, do có tính chất tích tập (gom chứa), thuộc về ý.

Tâm tối thắng là gì? Là thức A-lại-da. Vì sao vậy? Do thức này gom chứa các pháp hữu vi. Lại hành tướng hoạt động của thức này không thể phân biệt, trước sau một loại tương tục tùy chuyển. Lại do nó mà các Diệt tận đẳng chí, Vô tướng đẳng chí, Vô tướng sở hữu sinh khởi; thức biết rõ cảnh giới còn gọi là các chuyển thức phát sanh lại, vì nương vào sở duyên duyên (duyên của đối tượng, như nhờ lá lay động mà biết gió thổi) làm chuyển biến khác nhau, nênsinh diệt tương tục phát sinh trở lại, làm cho sanh tử lưu chuyển xoay vần.

A-lại-da thức là gì? Bao gồm chứa đựng tất cả chủng tử, cũng bao gồm tướng ngã mạn. Lại còn duyên với thân làm cảnh, thì đây là cũng gọi là A-đà-na thức, có thể giữ gìn lấy thân.

Y tối thắng (Mạt na) là gì?

Nghĩa là duyên A-lại-da thức làm cảnh, là thức luôn luôn tương ứng với ngã si, ngã kiến, ngã mạn và ngã ái..., trước sau một loại tương tục với nhau, ngoại trừ quả vị La-hán, quả vị Thánh đạo, Diệt tận đẳng chí đang hiện tiền.

Hỏi: Tại sao gọi là uẩn?

Đáp: Vì bản chất của nó là tích tụ nên gọi là uẩn; nghĩa là bao gồm phần chung và phần riêng của những sắc, thọ v.v... sai khác nhau của loại hữu tình trong các cảnh giới tương tục ở thế gian.

Lại có mười hai xứ: Nhân xứ, sắc xứ; nhĩ xứ, thính xứ; tỷ xứ, hương xứ; thiệt xứ, vị xứ v.v... Các xứ này đã giải thích ở trước. Xúc xứ là bốn đại và một phần của xúc như đã nói ở trước. Ý xứ chính là thức uẩn. Pháp xứ là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, vô biểu sắc và cùng với vô vi.

Vô vi là gì? Hư không vô vi, Phi trạch diệt vô vi, Trạch diệt vô vi và Chân như vô vi.

Hư không vô vi là gì? Nó dung chứa tất cả các sắc.

Phi trạch diệt vô vi là gì? Nghĩa là diệt mà không do trí tuệ ly hệ. Nghĩa là không do đối trị phiền não mà các uẩn hoàn toàn không sanh khởi.

Trạch diệt vô vi là gì? Là diệt bằng ly hệ. Nghĩa là do đối trị phiền não nên các uẩn không thể nào sanh khởi.

Chơn như vô vi là gì? Đó là pháp tánh của các pháp, tánh vô ngã của các pháp.

Xứ nghĩa là gì? Nơi phát sinh các thức, là ý nghĩa của xứ.

Lại có mười tám giới: Nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thính giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới và ý thức giới. Các giới như nhãn giới v.v... và các giới như sắc giới v.v... như đã nói trong xứ.

Ý Thức giới thứ sáu là gì? Nghĩa là dựa vào nhãn căn v.v... tiếp xúc với sắc trần v.v... phân biệt rõ ràng để làm tinh (pháp trần). Nói ý giới là nói các thức kia tuy diệt, nhưng không ngừng gián đoạn (ý căn), để hiển bày thức thứ sáu (ý thức) và kiến lập rộng ra mười tám giới. Như vậy sắc uẩn tức là mười giới, mười xứ²⁰, một phần pháp giới, pháp xứ²¹, thức uẩn, là ý xứ²², hay là bảy tâm giới²³; ba uẩn còn lại và một phần sắc uẩn, cùng các vô vi thuộc pháp xứ, pháp giới.

Giới là gì? Giữ gìn tánh đặc trưng, theo tướng trạng từng loại gọi là giới.

Tại sao phải nói đến uẩn, xứ, giới?

Vì muốn đối trị ba loại ngã chấp. Thứ tự ba loại ngã chấp như sau: 1. Tánh ngã chấp; 2. Thọ giả ngã chấp; 3. Tác giả ngã chấp²⁴.

Lại nữa, trong mười tám giới có bao nhiêu giới thuộc hữu sắc? Mười giới và một phần nhỏ²⁵, tức là Tự tánh sắc uẩn.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô sắc? Các giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu kiến²⁶? Có một là sắc giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô kiến? Những giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu đối? Mười giới thuộc sắc²⁷, vì (căn) này có sự chướng ngại đối với (trần) kia nên gọi là hữu đối.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô đối? Những giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu lậu? Có mười lăm giới và một phần nhỏ của ba giới sau²⁸, vì ở đó khởi phiền não, và hiện hành.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô lậu? Ba phần nhỏ ở sau.

Có bao nhiêu giới thuộc về dục giới? Có 18 giới đều thuộc về dục giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về sắc giới? Có mười bốn giới thuộc về sắc giới, trừ các giới như hương giới, vị giới, tỷ thức giới, thiết thức giới.²⁹

Có bao nhiêu giới thuộc về vô sắc giới? Ba giới sau cùng (gồm ý căn giới, pháp giới và ý thức giới).

Có bao nhiêu giới không thuộc về ba cõi? Là những giới thuộc vô lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc uẩn? Tất cả, trừ vô vi .

Có bao nhiêu giới thuộc thủ uẩn? Là hữu lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc về thiện, bất thiện, vô ký? Là mười giới thông ba loại, là bảy tâm giới và sắc giới, thanh giới, pháp giới; tám giới còn lại thuộc vô ký.

Có bao nhiêu giới thuộc về nội giới? Đó là mười hai giới, trừ sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới và pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về ngoại giới? Đó là sáu giới vừa trừ ra.

Có bao nhiêu giới (hiện hành) cần có duyên? Là bảy tâm giới và tâm sở hữu pháp thuộc về một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới (hiện hành) không cần duyên? Là mười giới còn lại và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới có khả năng phân biệt? Đó là ý giới, ý thức giới và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc chấp thọ? Đó là năm (căn thuộc) nội giới và một phần của bốn giới: sắc, hương, vị, xúc thuộc ngoại giới.

Có bao nhiêu giới phi chấp thọ? Chín giới còn lại³⁰ và một phần của bốn giới (vừa kể trên).

Có bao nhiêu giới đồng phạm? Như là năm giới thuộc sắc ở trong. Vì chúng và thức của chúng có cùng cảnh giới.

Có bao nhiêu giới bị đồng phạm? Tự mỗi thức không phải đồng phạm (bỉ). Tùy theo không gian và thời gian mà đồng loại với đồng phạm (nên gọi là bị đồng phạm).

LUẬN QUẢNG NGŨ UẨN

No. 1613

Nguyên tác: Tôn giả An Huệ

Dịch Hán: Tam Tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la

Dịch Việt: Tâm Hạnh

(chủ nhiệm và giảng dạy Lớp Hán văn Phật học VNCPHVN)

Đức Phật nói năm uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Sắc uẩn là gì? Là bốn đại chủng và những sắc do bốn đại chủng tạo thành.

Bốn Đại chủng là gì? Là Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới.

Chúng có nghĩa là gì? Địa là tính cứng; thủy là tính ướt; hỏa là tính nóng; phong là tính nhẹ. Giới là giữ gìn tính chất riêng của sắc được tạo ra.

Sắc do bốn đại tạo ra là gì? Là nhãn căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc, thanh, hương, vị một phần của xúc trần và các vô biểu sắc v.v... Tạo có nghĩa là làm nhân. Căn nghĩa là năng lực lớn nhất, là làm chủ, vượt lên. Nghĩa làm chủ tức là làm chủ cho cái gì, như nhãn căn làm chủ cho nhãn thức, vì nó sinh ra nhãn thức. Như thế cho đến thân căn làm chủ cho thức, vì nó sinh ra thân thức v.v...

Nhãn căn là gì? Lấy sắc trần làm cảnh, lấy tịnh sắc (1) làm tính chất. Nó là một phần tịnh sắc ở trong mắt giống như đề hồ nguyên chất. Có tính chất này thì nhãn thức sanh, nếu không có thì nhãn thức không sinh.

Nhĩ căn là gì? Lấy thanh trần làm cảnh, lấy tịnh sắc làm tính chất. Nó là một phần tịnh sắc trong lỗ tai. Có tính này nên nhĩ thức sinh, nếu không thì nhĩ thức không sinh.

Tỷ căn là gì? Lấy hương trần làm cảnh, lấy tịnh sắc làm tính chất. Nó là một phần tịnh sắc trong lỗ mũi. Có tính chất này nên tỷ thức sinh, nếu không thì tỷ thức không sinh.

Thiệt căn là gì? Lấy vị trần làm cảnh, lấy tịnh sắc làm tính chất. Nó là tịnh sắc có khắp trên lưỡi, có chỗ nói chỉ có phần nhỏ trên đầu tiêm mao chứ không khắp cả lưỡi. Có tính chất này nên thiệt thức sinh, nếu không thì thiệt thức không sinh.

Thân căn là gì? Lấy xúc trần làm cảnh, lấy tịnh sắc làm tính chất. Nó là tịnh sắc có khắp trên thân. Có tính chất này nên thân thức sinh, nếu không thì thân thức không sinh.

Sắc trần là gì? Là đối tượng của mắt, gồm có hiển sắc, hình sắc, và biểu sắc. Hiển sắc gồm có các màu từ bốn màu chính là xanh, vàng, đỏ, trắng. Hình sắc là dài ngắn v.v...

Thanh trần là gì? Là đối tượng của lỗ tai, gồm có âm thanh từ thân của loài hữu tình, âm thanh từ loài vô tình và âm thanh của cả hai.

Tâm, tâm sở là năng chấp thọ. Kể cả thân thể các loài nhỏ nhít là sở chấp thọ. Âm thanh của loài hữu tình như tiếng vỗ tay, nói chuyện ...; âm thanh của loài

vô tình như là tiếng gió thổi, nước chảy ...; âm thanh của cả hai như là tiếng trống do bàn tay đánh kêu....

Hương trần là gì? Là đối tượng của lỗ mũi, gồm có mùi thơm, mùi hôi và mùi bình thường. Mùi thơm là loại mùi khi tiếp xúc với lỗ mũi, đối với hoạt động của năm uẩn có cảm giác dễ chịu; mùi hôi thì khi ngửi đối với hoạt động của năm uẩn có cảm giác khó chịu; mùi bình thường là khi tiếp xúc với lỗ mũi thì không có cảm giác dễ chịu hay khó chịu.

Vị trần là gì? Là đối tượng của lưỡi gồm các vị mặn, ngọt, chua, cay, đắng, lạt....

Một phần của xúc trần là gì? Là đối tượng của thân gồm tính trơn, rít, nặng, nhẹ, nóng, lạnh, đói, khát ..., trừ đại chủng. Trơn nghĩa là mềm mịn; rít nghĩa là thô cứng; nặng nghĩa là có trọng lượng; nhẹ nghĩa là ngược lại với nặng; nóng thì muốn làm lạnh, tiếp xúc là nhân của lạnh, tiếp xúc này chính là nhân nhưng đứng trên quả mà nói. Như nói chư Phật ra đời là vui, diễm nói chánh Pháp là vui, chúng Tăng hòa hợp là vui, tinh tấn đồng tu là vui. Tinh tấn tuy khổ nhọc, nhưng là nhân của vui, nên nói là vui. Ở đây cũng như vậy, muốn ăn là vì đói, muốn uống là vì khát. Lý này cũng như thế.

Trên đã nói bảy loại tạo thành xúc, và mười một sắc được tạo ra của bốn đại chủng.

Vô biểu sắc là gì? Nghĩa là những sắc được sinh ra từ biểu nghiệp, từ định, không thấy không đối. Biểu nghiệp tức là biểu hiện của thân và lời. Sắc này thông cả ba tánh thiện, ác, vô ký. Sắc được sinh ra tức là sắc được sinh ra từ sự biểu hiện của nghiệp thiện và bất thiện kia. Sắc này không biểu hiện ra, gọi là vô biểu. Sắc được sinh ra từ định tức là sắc được sinh ra từ bốn tầng thiền. Loại sắc vô biểu thuộc tính chất được tạo ra, gọi là thiện luật nghi, bất thiện luật nghi, cũng gọi là nghiệp, là chủng tử.

Các sắc trên lược chia thành ba loại: một là có thấy có đối, hai là không thấy có đối, ba là không thấy không đối. Trong ba loại này, có thấy có đối như hiển sắc v.v..., không thấy có đối như nhãn căn v.v..., không thấy không đối như vô biểu sắc v.v...

Thọ uẩn là gì? Có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lạc thọ là cảm giác khi mất đi thì muốn nó tồn tại. Khổ thọ là cảm giác khi phát sinh thì muốn nó biến mất. Bất khổ bất lạc thọ là cảm giác không thuộc hai trường hợp trên, là không muốn nó tồn tại hay biến mất. Thọ là sự lãnh nạp của thức (và căn, trần).

Tướng uẩn là gì? Nghĩa là năng lực mạnh mẽ, nắm giữ các tướng của cảnh. Nắm giữ mạnh mẽ tức là lực rất mạnh và nắm giữ được. Như người có sức mạnh gọi là năng lực mạnh.

Hành uẩn là gì? Trừ thọ và tướng ra, các tâm sở khác và tâm bất tương ưng hành gọi là hành uẩn. Các tâm sở khác là gì? Là các hành tương ưng với tâm. Đó là xúc, tác ý, tư, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô

si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, xả, bất hại, tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri, ác tác, thuy miên, tầm, tứ.

Các tâm sở này đối với Biến hành có năm. Năm pháp này có mặt khắp tất cả các tâm thiện, bất thiện, vô ký, nên gọi là biến hành.

Biệt cảnh có năm. Năm pháp này, mỗi pháp tùy theo đối tượng khác nhau mà thay đổi quyết định, tính cách không rời nhau. Trong đó, một pháp có mặt thì bốn pháp kia cũng có mặt.

Thiện có mười một. Phiền não có sáu, còn lại là tùy phiền não.

Bất định có bốn. Bốn pháp bất định này chẳng phải là tùy phiền não vì thông cả tánh thiện và vô ký.

Sau đây là trình bày tính chất và nghiệp dụng của các tâm sở, xúc v.v...

Xúc là gì? Nghĩa là sự hòa hợp của ba pháp. Tính chất là phân biệt. Ba pháp hòa hợp là nhãn căn, sắc trần và nhãn thức v.v... Các sự hòa hợp này phát sinh từ tâm, tâm sở, nên gọi là xúc. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho thọ.

Tác ý là gì? Nghĩa là làm cho tâm ghi nhận đối tượng, làm cho tâm, tâm sở phát động ngay trong hiện tại, nghĩa là làm cho tâm hiểu biết. Nghiệp dụng là giữ gìn, bám giữ các tâm.

Tư là gì? Là đối với công đức hay lỗi lầm, hoặc không cả hai, khiến tâm tạo tác, tính năng thuộc ý nghiệp. Nếu tính năng này có thì thức bám giữ theo tác dụng của tư mà biểu hiện ra trong hiện tại. Giống như nam châm hấp dẫn cây kim khiến cho chuyển động(2). Nghiệp dụng là thúc đẩy tâm thiện, bất thiện, vô ký.

Dục là gì? Tính chất là hy vọng đối với những điều ưa thích. (Điều ưa thích là *những điều thích thấy, ưa nghe*). Nghĩa là mong cầu điều ưa thích. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho tinh tấn.

Thắng giải là gì? Tính chất là đối với cảnh quyết định, xác định đúng như sự hiểu biết của mình. Cảnh quyết định như đối với năm uẩn, ngài Thế Thân nói: “Sắc như bọt nước, thọ như bóng nước, tưởng như sóng nắng, hành như bẹ chuối, thức như ảo thuật”. *Xác định đúng như thế, hoặc như các pháp đúng vào vị trí tự tướng của nó, nghĩa là sinh ra sự quyết định đúng như thế. Quyết định là xác định. Nghiệp dụng là không thay đổi khác. Nhờ năng lực mạnh mẽ này nên không thể thay đổi khác đi.*

Niệm là gì? Nghĩa là đối với những việc từng trải qua, tâm không quên lãng. Tính chất là ghi nhận rõ ràng. Những việc từng trải qua là những việc đã từng làm. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho không tán loạn.

Định là gì? Tính năng là tâm cảnh nhất như đối với đối tượng được quan sát. Đối tượng được quan sát là năm uẩn, vô thường, khổ không, vô ngã v.v... Tâm cảnh nhất như tức là tâm chuyên chú. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho trí. Nhờ tâm định nên ghi nhận đúng theo đối tượng.

Tuệ là gì? Tính năng là phân biệt đúng pháp đối với đối tượng, hoặc là được dẫn khởi đúng, hoặc là được dẫn khởi sai, hoặc là được dẫn khởi không đúng không sai. Đối tượng tức là đối tượng được quan sát. Phân biệt đúng pháp nghĩa là đối với tướng riêng, tướng chung của các pháp, nhờ tuệ giản trạch, nên xác định đúng đối tượng. Được dẫn khởi đúng như đệ tử Phật (nhận thức bằng chánh kiến). Được dẫn khởi sai như các ngoại đạo (nhận thức bằng tà kiến). Được dẫn khởi không đúng không sai như các chúng sanh khác (nhận thức theo bản năng). Nghiệp dụng là đoạn trừ nghi ngờ. Tuệ có khả năng giản trạch nên đối với các pháp xác định đúng đối tượng.

Tín là gì? Nghĩa là đối với nghiệp, quả, Đế, Bảo v.v... tùy thuận theo một cách chính xác. Tính chất là làm cho tâm thanh tịnh. Nghiệp tức là nghiệp thiện, nghiệp ác và nghiệp bất động. Quả tức là bốn quả Sa-môn: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Đế tức là bốn Thánh đế: khổ, tập, diệt, đạo. Bảo tức là Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Đối với nghiệp, quả, v.v... tùy thuận theo một cách chính xác, cũng gọi là thanh tịnh, và có nghĩa là hy vọng. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho mong muốn.

Tàm là gì? Tính chất là nhờ năng lực của tự thân và năng lực của pháp, cảm thấy xấu hổ đối với tội mình đã tạo. Tội tức là lỗi lầm, vì đó là điều người trí xa lánh. Người biết xấu hổ thì không tạo các lỗi lầm. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho việc ngăn phòng và chấm dứt hành động ác.

Quý là gì? Tính chất là nhờ năng lực của thế gian mà sợ hãi đối với tội mình đã tạo. Năng lực của thế gian tức là sợ bị quở trách, hình phạt, chê bai v.v... Có lỗi lầm thì xấu hổ với người khác. Nghiệp dụng như đã nói ở phần tàm.

Vô tham là gì? Nghĩa là trái ngược với tham. Tính chất là khiến cho vô cùng nhàm chán, không lệ thuộc. Nghĩa là đối với vạn vật và vật dụng,(3) bị lệ thuộc gọi là tham, ngược lại là vô tham. Ở đây nghĩa là đối với vạn vật và vật dụng không bị lệ thuộc, vì biết rõ khắp các lỗi lầm của sanh tử, nên sanh ra nhàm chán. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho hành động ác không sinh khởi.

Vô sân là gì? Nghĩa là trái ngược với sân. Tính chất là từ, tức là không làm tổn hại chúng sanh. Nghiệp dụng như đã nói ở phần vô tham.

Vô si là gì? Nghĩa là trái ngược với si. Tính chất là hành động đúng như thật. Như thật: nói cụ thể là bốn Thánh đế, nói đầy đủ là mười hai Duyên khởi. Tinh cần đối với các pháp kia bằng hiểu biết đúng. Nghiệp dụng như đã nói ở phần vô tham.

Tinh tấn là gì? Nghĩa là trái ngược với biếng nhác. Tính chất là siêng năng thực hành các việc thiện. Có nghĩa là hoặc như mặc áo giáp, hoặc tinh cần, hoặc không khiếm nhược, hoặc không thoái chuyển, không cho là thỏa mãn. Nghiệp dụng là làm cho các thiện pháp thành tựu viên mãn.

Khinh an là gì? Nghĩa là trái ngược với thô nặng. Tính chất là làm cho tâm điều hòa, thoải mái, tức là xả bỏ mười nghiệp ác. Nghiệp dụng là đoạn trừ các chướng. Nhờ năng lực này nên trừ được tất cả chướng, xả bỏ thô nặng.

Không phóng dật là gì? Nghĩa là trái ngược với phóng dật. Nương vào các pháp vô tham cho đến tinh tấn xả bỏ pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện để đối trị phóng dật. Tham, sân, si cho đến biếng nhác gọi là phóng dật vì trái ngược với không phóng dật. Không phóng dật tức là nương vào bốn pháp vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn để đối trị pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện. Nghiệp dụng là làm chỗ y cứ cho chánh hạnh thế gian và xuất thế gian.

Xả là gì? Nghĩa là nương vào các pháp vô tham, vô sân, cho đến tinh tấn mà thành tựu tính chất bình đẳng của tâm, tính chất chánh trực của tâm và tính chất vô công dụng của tâm. Lại nữa, nhờ pháp này nên xa lìa các pháp tạp nhiễm, an trụ pháp thanh tịnh. Nhờ nương vào vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, xa lìa các lỗi lầm của hôn trầm, trạo cử, bắt đầu tâm bình đẳng; có lúc tùy thuận mà không cần cố gắng, tu tập thành tựu tâm chánh trực; có lúc xa lìa các tạp nhiễm, cuối cùng thành tựu tâm vô công dụng. Nghiệp dụng như đã nói ở phần không phóng dật.

Bất hại là gì? Nghĩa là trái ngược với hại. Tính chất là Bi. Nhờ tâm bi nên không làm tổn hại các chúng sanh, là một phần của vô sân. Nghiệp dụng là không làm tổn hại.

Tham là gì? Tính chất là nhiễm ái, chấp trước năm thủ uẩn, nghĩa là do sự trói buộc này nên luân hồi trong ba cõi. Nghiệp dụng là sinh ra khổ. Do năng lực của ái nên sinh ra năm thủ uẩn.

Sân là gì? Tính chất là làm tổn hại các chúng sanh. Nghiệp dụng là ở trong trạng thái không an ổn và làm chỗ y cứ cho điều ác. Không an ổn tức là gây tổn hại người khác, tự mình chuốc lấy khổ.

Mạn là gì? Là họ kém nên cho mình hơn, hoặc họ ngang bằng thì cho mình bằng, tính của nó là kiêu ngạo.

Quá mạn là gì? Bằng người mà cho là hơn người hoặc người hơn mình mà cho là bằng mình, tính của nó là kiêu ngạo.

Mạn quá mạn là gì? Cho rằng mình hơn cả người hơn mình, tính của nó là kiêu ngạo.

Ngã mạn là gì? Là chấp năm thủ uẩn () là ta hay của ta, tính của nó là kiêu ngạo.

Tăng thượng mạn là gì? Là chưa chứng đắc pháp Tăng thượng thù thắng mà cho mình đã chứng đắc, tính của nó là kiêu ngạo. Pháp Tăng thượng thù thắng chứng đắc chính là các quả Thánh cùng với thiên định thiên quán v.v... chưa đắc những pháp kia mà cho là đã đắc, rồi kiêu căng ngạo nghễ.

Ty mạn là gì? Cho mình có được một phần nhỏ trong phần hơn của người khác, tính của nó là kiêu ngạo.

Tà mạn là gì? Là thực chẳng có đức mà cho mình có đức, tính của nó là kiêu ngạo, không cung kính với bậc mình nương tựa, Nghĩa là kiêu ngạo với bậc tôn kính, bậc có đức, chẳng hề tôn trọng họ.

Vô minh là gì? Là không hiểu biết đúng pháp về Nghiệp, Quả, Tứ Đế, Tam Bảo. Có hai loại là câu sanh và phân biệt.

Lại nữa, tham, sân và vô minh ở Dục giới là ba căn bất thiện, đó là tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn. Những phiền não này khởi lên do câu sanh, bất câu sanh và phân biệt.

Câu sanh là cảm thú v.v...; bất câu sanh tương ưng với tham; phân biệt tương ưng với kiến; quyết định hư vọng, nương nơi nghi phiền não tạo nghiệp. Kiến là gì? Có năm loại :

Tát-ca-da kiến (kayaditthi Thân kiến)

Biên chấp kiến

Tà kiến

Kiến thủ

Giới cầm thủ.

Tát-ca-da kiến là gì? Là đối với năm thủ uẩn, tùy theo quan điểm mà chấp là ngã hoặc ngã sở, tính chất của nó là nhiệm ô tuệ. “Tát” là bại hoại, “ca-da” là hòa hợp tích tụ. Với thân kiến này thấy là duy nhất, thấy là thường còn, các uẩn khác cho là ngã, uẩn cho là ngã sở... Vì sao? Vì “Tát” là phá tướng về thường, “ca-da” là phá tướng về duy nhất, phá vô thường tích tụ, vì trong đó không có ngã và ngã sở. Nhiệm ô tuệ thì câu hữu với phiền não, làm chỗ nương cho tất cả các kiến chấp.

Biên chấp kiến là gì? Nghĩa là từ sức mạnh của thân kiến, ngay sự chấp thủ ấy, hoặc chấp là thường còn hoặc chấp là đoạn diệt, tính của nó là nhiệm ô tuệ.

Chấp thường, chấp quyền lực của ngã là thường còn khắp cả.

Chấp đoạn, chấp có người làm, chấp có đàn ông, chấp chết rồi mất hẳn, như cái bình đã vỡ thì không thể sử dụng được. Nó làm chướng ngại sự xuất ly của Trung đạo.

Tà kiến là gì? Là phỉ báng nhân quả hoặc phỉ báng tác dụng hoặc hủy hoại các điều thiện, tính của nó là nhiệm ô tuệ. Phỉ báng nhân: Như không cho rằng nhân là nghiệp, là phiền não, gồm có năm chi. Phiền não có ba chi là vô minh, ái và thủ. Nghiệp có hai chi là hành và hữu. Hữu nghĩa là chủng tử các nghiệp nương vào thức A-lại-da, đây cũng gọi là nghiệp. Như Đức Thế Tôn nói: “Này A Nan! Nghiệp nào dẫn đến quả vị lai, đó gọi là hữu” cũng như vậy, phỉ báng này gọi là phỉ báng nhân. Phỉ báng quả: Quả có bảy chi, đó là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử. Phỉ báng về bảy chi này gọi là phỉ báng quả. Hoặc là phỉ báng không có nghiệp ác, nghiệp thiện gọi là phỉ báng nhân; phỉ báng không có quả báo của nghiệp thiện, nghiệp ác gọi là phỉ báng quả. Phỉ báng không có đời này và đời sau, không có cha, mẹ, không có chúng sanh hóa sanh (). Phỉ báng như thế

là phi báng tác dụng, nghĩa là tác dụng từ đời này sang đời sau, tác dụng giữ gìn của chúng tử, tác dụng tương tục của kiết sanh thức(). Phi báng ở thế gian không có bậc A-la-hán v.v..., phi báng như thế là hoại việc thiện, đoạn diệt căn lành, làm chỗ y cứ vững chắc cho các căn bản bất thiện, công năng của nó là không sanh thiện, sanh bất thiện.

Kiến thủ là gì? Ba kiến đầu dựa vào các uẩn, tùy theo kiến chấp mà cho là tối thượng, là trên hết, là thù thắng, là cao tột, tính của nó là nhiệm ô tuệ.

Ba kiến đầu là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến.

Dựa vào các uẩn nghĩa là uẩn làm chỗ y cứ cho các kiến ấy. Nghiệp: Như đã nói ở tà kiến.

Giới cấm thủ là gì? Nghĩa là đối với giới cấm, dựa vào các uẩn, tùy theo kiến chấp mà cho ở đây là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Tính của nó là nhiệm ô tuệ. Giới ở đây là lấy ác kiến làm động cơ để lìa bảy loại ác().

Cấm là giới cấm bờ, chó v.v..., hoặc tự nhổ tóc, cầm gậy chia ba với Định, Huệ sai lầm(), đây chẳng phải là nhân giải thoát, lại chấp Đại Tự Tại(shiva), hoặc chấp Thế Chủ(bramama), hoặc nhảy vào nước lửa. Đây đều chẳng phải là nhân sanh lên cõi trời. Những nhận định như vậy, cho đó là nhân. Dựa vào uẩn: Uẩn làm sở y, là giới cấm dựa vào uẩn. Thanh tịnh nghĩa là nói bằng phương tiện liên tục như thế thì cho là thanh tịnh giải thoát, xuất ly phiền não, nhờ đó mà xa lìa sanh tử. Dùng những việc như vậy làm chỗ nương thì chỉ khổ nhọc, không kết quả. Khổ nhọc không kết quả là không thật sự lìa được khổ.

Nghi là gì? Nghĩa là đối với Tứ Đế, Tam Bảo... phân vân là có hay là không có, tính của nó là do dự làm chỗ nương cho pháp bất thiện sanh. Trong các phiền não, ba kiến sau và nghi chỉ phát khởi do phân biệt còn các cái khác đều phát khởi do phân biệt và cấu sanh.

Phẫn là gì? Xuất phát từ những việc không vừa lòng ở hiện tại, tính của nó khiến tâm tức giận, làm chỗ nương cho việc tạo ra bạo ác, cầm roi, gậy.

Hận là gì? Nghĩa là sau khi tức giận, kết oán thù không bỏ, làm chỗ nương cho tính không nhẫn nhịn.

Phú là gì? Là đối với lỗi lầm, tính của nó là che giấu. Che giấu tội là khi được người khác dạy bảo đúng đắn thì không mạnh dạn nhận lỗi, nó là một phần của si. Nghiệp của nó là tạo ra hối hận làm cho không an ổn.

Não là gì? Là phát ra lời nói thô bạo, tính của nó là xúc phạm, từ phẫn hận, tâm khởi ý muốn làm tổn hại. Lời nói bạo ác là lời tàn hại thô bạo hung ác dẫn đến buồn khổ làm chỗ nương cho trạng thái sống bất an. Lại còn phát sinh việc phi phước nghiệp, phát khởi những danh tiếng xấu là nghiệp.

Tật là gì? Là đối với việc thành công của người khác, tính của nó là tâm đố kỵ. Tâm đố kỵ phát sinh là vì danh lợi nên không chấp nhận sự thành công của người khác; tự mình ở trong trạng thái sầu khổ mà tạo nghiệp.

Xan là gì? Là trái với bố thí, tính của nó là khiến cho tâm bồn xển, nghĩa là đối với tài sản vì có tâm bồn xển, không bố thí cho ai cả nên gọi là xan, tâm nghiêng về lợi dưỡng, vật dụng. Tâm này là một phần của tham, y cứ vào sự không biết đủ để tạo nghiệp. Không biết đủ vì bồn xển, ích kỷ nên những vật không dùng vẫn gom góp cất chứa.

Cuồng là gì? Là lừa dối người khác, tính chất của nó là giả dối, biểu hiện công đức công đức chẳng thật có, nó là một phần của tham, tà mạng y cứ vào nó để tạo nghiệp.

Siểm là gì? Là tạo ra cách thức giả dối nhằm che giấu tội lỗi của mình. Tính chất của nó là quanh co, nghĩa là đối với danh lợi thì có sự tính toán để chiếm đoạt. Nó là một phần của tham và si. Nghiệp của nó là làm trở ngại lời khuyên dạy hối cải đúng. Lại nữa, bởi chính mình có lỗi mà không thành thật tỏ bày sám hối nên không nhận sự dạy bảo của người.

Kiêu là gì? Nghĩa là đối với việc đang tăng thịnh thì mê đắm và tự phụ, tính chất của nó là làm cho đoạn dứt việc đang tăng thịnh, làm tăng thịnh sự hữu lậu. Mê đắm và tự phụ nghĩa là đối với ái nhiễm thì thích thú và bám vào đó để tự phụ. Nó là một phần của tham, đoạn dứt nghĩa là đoạn dứt các thiện căn.

Hại là gì? Là tính chất gây tổn não đối với chúng sanh, là một phần của sân. Tổn não nghĩa là sự gây hại bằng roi và gậy, dựa vào đây mà tạo nghiệp.

Vô tầm là gì? Là tính chất không tự mình hổ thẹn về tội lỗi đã gây ra. Tất cả phiền não và tùy phiền não nương vào vô tầm mà tạo nghiệp.

Vô quý là gì? Là tính chất không hổ thẹn, sợ hãi với người khác về tội lỗi mà mình đã gây ra, nghiệp của nó cũng giống như tầm.

Hôn trầm là gì? Là tâm không điều hòa tinh táo, không làm được việc gì, tính của nó là mê muội, là một phần của si, nó làm chỗi y cứ cho tất cả phiền não và tùy phiền não tạo nghiệp.

Điều cử là gì? Tính của nó là tùy theo sự nhớ lại những sự việc vui thích, du hí trước đây, làm cho tâm không yên tĩnh, là một phần của tham ngăn ngại Sa-ma-tha (định) để tạo nghiệp.

Bất tín là gì? Nghĩa là ngược lại với tín, đối với các nghiệp, quả không tin theo một cách chính xác, tính của nó là không thanh tịnh, làm chỗi y cứ cho biếng nhác để tạo nghiệp.

Biếng nhác là gì? Là không tinh tấn, đối với các pháp thiện, tâm không dũng mãnh tinh tấn, hay ngăn trở việc siêng tu các pháp thiện.

Phóng dật là gì? Là do lệ thuộc tham sân si, biếng nhác nên tâm không phòng hộ đối với các phiền não; không thể tu tập các pháp thiện, làm tăng trưởng các pháp bất thiện mà thôi mất các pháp thiện.

Thất niệm là gì? Là niệm nhiễm ô, không thể ghi nhận rõ về các pháp thiện. Niệm nhiễm ô là niệm câu hữu với các phiền não. Không thể ghi nhận rõ về

các pháp thiện là không thể ghi nhớ đúng giáo pháp được truyền trao, làm chỗ y cứ cho tán loạn để tạo nghiệp.

Tán loạn là gì? Là một phần của tham, sân, si khiến tâm và tâm sở phân tán, hay ngăn trở việc ly dục để tạo nghiệp.

Bất chánh tri là gì? Tuệ tương ưng với phiền não, tính chất của nó hay phát khởi hành động thân khẩu ý không đúng, nương vào hạnh trái phạm luật nghi làm nghiệp. Nghĩa là đối với sự việc quá khứ, vị lai... quan sát không đúng nên không biết được việc nên làm hay không nên làm, dẫn đến phạm luận nghi.

Ô tác là gì? Là tính chất làm cho tâm luôn luôn hồi hận xao động, vì việc ác đã tạo nên gọi là ô tác. Thể của nó là chẳng hồi hận xao động liền mà do trước tạo ác sau đó mới khởi tâm hồi hận. Đây chính là lấy quả từ nơi nhân làm mục đích nên gọi là ô tác. Ví như xúc xú nói là nghiệp trước. Ô tác này có hai loại là thiện và bất thiện, trong hai địa vị này mỗi loại lại có hai. Như trong trường hợp thiện, nếu trước không làm thiện; sau khởi tâm hồi hận, nhân kia là thiện, hồi hận cũng là thiện. Nếu trước đã tạo ác, sau đó mới khởi tâm hồi hận, nhân kia bất thiện, hồi hận tức là thiện.

Như trong trường hợp bất thiện, trước không làm được điều ác, sau đó khởi tâm hồi hận (vì không làm được), nhân kia bất thiện, hồi hận cũng bất thiện. Nếu trước đã làm thiện, sau đó khởi tâm hồi hận nhân kia là thiện, hồi hận là bất thiện.

Thùy miên là gì? Nghĩa là tâm hoạt động không được tự tại, tánh chất của nó rất mê muội.

Không tự tại là khiến cho tâm và tâm sở hoạt động không tự do, là một phần của si. Lại nữa, tự tánh của thùy miên không tự tại, nên khiến cho tâm và tâm sở trở nên rất mê muội. Tánh thiện, bất thiện vô ký này gây ra lỗi lầm vì dựa vào thùy miên làm nghiệp.

Tầm là gì? Sai biệt của tư, và huệ và sự tầm cầu của ý thức và ngôn ngữ, tánh chất của nó làm cho tâm phân biệt tướng thô. Ý ngôn là ý thức, trong đó hoặc nương vào tư, hoặc nương vào tuệ mà phát khởi. Phân biệt tướng thô là tìm cầu tướng thô của bình, y, xe v.v... lạc xúc, khổ xúc dựa vào để làm nghiệp.

Tứ là gì? Tính chất sai biệt của tư và huệ, là quan sát dựa trên ý thức và ngôn ngữ, làm cho tâm phân biệt tướng vi tế. Tướng vi tế là đối với bình, y... nghĩa là phân biệt tướng vi tế, sự sai khác của việc thành hay không thành v.v...

Tâm bất tương ưng hành pháp là gì? Dựa vào sự khác nhau của sắc và tâm mà giả lập nên, đối với sắc, tâm và tâm sở thì nó không có hoạt động thực, tánh của nó không thể nói khác hay là giống.

Những loại ấy là gì? Đó là đác, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng thiên, mạng căn, chúng đồng phận, sanh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sanh tánh v.v...

Đắc là gì? Nghĩa là đạt được, hoặc thành tựu. Có ba loại là: chúng tử thành tựu, tự tại thành tựu, hiện khởi thành tựu; tùy theo trường hợp.

Định vô tướng là gì? Nghĩa là đã định lìa nhiễm của cõi trời Biến tịnh, nhưng chưa lìa nhiễm của cõi trên, không còn tướng, trước hết tác ý, đối với tâm và tâm sở không hiện hành, đều diệt.

Diệt tận định là gì? Nghĩa là lìa nhiễm ô của vô sở hữu xứ, từ cõi đệ nhất lại cầu tiến lên, tạm thời dừng tướng và trước hết tác ý, đối với tất cả tâm và tâm sở không hiện hành và hiện hành một phần, đều diệt. Không hiện hành là chỉ cho hoạt động của sáu thức. Hiện hành là A-lại-da và Mạt-na. Trong đó, sáu thức và Mạt-na đều diệt là Định diệt tận.

Vô tướng thiên là gì? Nghĩa là quả của vô tướng định đã đạt được. Khi sanh vào cõi trời kia rồi, tánh của nó làm cho tất cả tâm và tâm sở không hiện hành đều diệt.

Mạng căn là gì? Nghĩa là đối với chúng đồng phạm, do nghiệp đời trước dẫn đến, tánh nó là giới hạn thời gian tồn tại.

Chúng đồng phạm là gì? Nghĩa là các chúng sanh, tính chất mỗi loài tự đồng dạng nhau.

Sanh là gì? Nghĩa là đối với chúng đồng phạm, tất cả các pháp hữu vi trước không nay có.

Lão là gì? Đối với sự liên tục của pháp hữu vi, tính của nó là biến hoại.

Trụ là gì? Đối với sự liên tục của các pháp hữu vi, tính của nó là giai đoạn để chuyển biến.

Vô thường là gì? Đối với sự liên tục của các pháp hữu vi, tính của nó hoại diệt.

Danh thân là gì? Đối với tự tánh các pháp, tánh chất là từ ngữ, khái niệm như nói mắt v.v...

Cú thân là gì? Là câu, khái niệm về sự sai biệt của các pháp. Như nói: “các pháp hữu vi vô thường v.v...”

Văn thân là gì? Là những mẫu tự, có công năng làm rõ được tánh chất của hai loại trước, còn gọi là “hiển bày”, vì làm chỗ y cứ cho danh từ và câu được rõ ràng ý nghĩa, còn gọi là “mẫu tự”, vì nó không thay đổi khác biệt “tánh chất của hai loại trước” là trình bày được tự tánh và sự sai biệt. “Hiển bày” là rõ ràng.

Đị sanh tánh (Prthay-janatva) là gì? Là tánh chất chưa đắc được pháp của bậc Thánh (chỉ cho phàm phu).

Thức uẩn là gì? Tánh của nó hay phân biệt rõ đối tượng, cũng gọi là tâm, vì nó có công năng tích tụ, cũng gọi là ý vì nó thuộc ý căn, hoặc gọi là tâm thù thắng, tức là A-lại-da thức. Vì thức này có công năng tích tụ các pháp hữu vi. Lại hình tướng của thức này không thể biết được, vì trước sau một loại mà chuyển biến tương tục. Do từ thức này nên diệt tận định, vô tướng định, vô tướng thiên mà phát khởi lại các chuyển thức rõ cảnh giới phát sanh trở lại, nương vào sở

duyên duyên mà chuyên biến sai biệt, nó sanh diệt liên tục không gián đoạn làm cho sanh tử lưu chuyển trong luân hồi.

A-lại-da thức: nghĩa là hay tích chứa tất cả các chủng tử; hay thâm nhận tướng ngã mạn; lại lấy thân căn làm cảnh giới.

Thức này cũng gọi là A-đà-na-thức vì nó chấp lấy thân căn. Ý tối thắng: đối tượng của nó là tàng thức, nó tương ứng với ngã si(), ngã kiến(), ngã mạn(), ngã ái(), trước sau một loại chuyên biến tương tục, trừ quả vị A-la-hán và đang ở trong ngôi vị Thánh đạo, diệt tận định. Sáu chuyên thức như thế và Mạt-na thức cùng với A-lại-da thức, cả tám thức này gọi là thức uẩn.

Uẩn là gì? Tích chứa gom góp nên gọi là uẩn. Nghĩa là nó gồm cả tổng quát và tóm lược về sự sai biệt của sắc thọ tưởng hành thức của cảnh giới và hữu tình theo từng phẩm loại tương tục ở thế gian. Như Thế Tôn nói: Đây các Tỳ-kheo! Tất cả sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc mạnh, hoặc yếu, hoặc gần, hoặc xa, như thế đều bao gồm một sắc uẩn.

Lại có 12 xứ: nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiết xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Năm xứ như nhãn xứ v.v... và sắc thanh hương vị xứ đã giải thích ở phần trên rồi.

Xúc xứ: nghĩa là các thành tố vật chất và một phần của xúc.

Ý xứ là thức uẩn; pháp xứ là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, vô biểu sắc và các pháp vô vi.

Vô vi là gì? Gồm có Hư không vô vi, Phi trạch diệt vô vi và Chơn như vô vi.

Hư không: Nghĩa là dung chứa các sắc.

Phi trạch diệt nghĩa là diệt phiền não mà không cần ly hệ.

Không cần ly hệ là thế nào? Nghĩa là lìa sự đối trị phiền não, các uẩn hoàn toàn không sanh khởi.

Trạch diệt là gì? Nghĩa là diệt phiền não bằng ly hệ.

Ly hệ là gì? Nghĩa là đối trị phiền não nên các uẩn hoàn toàn không sanh khởi.

Chơn như là gì? Nghĩa là tánh của các pháp và tánh vô ngã của các pháp.

Xứ là gì? Là cửa để cho các thức phát sanh nên gọi là xứ.

Lại có mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiết giới, vị giới, thiết thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Các giới như nhãn căn giới v.v... và sắc giới v.v... như đã trình bày trong phần xứ. Còn sáu thức giới là nương vào các căn như nhãn căn v.v... duyên theo các cảnh như sắc trần v.v... đặc tính của nó là phân biệt.

Ý giới: Do sự sanh diệt liên tục của sáu thức(), hiển bày chỗ nương tựa của thức thứ sáu, và rộng hơn là thành lập cả mười tám giới.

Như vậy Sắc uẩn() gồm mười xứ, mười giới và một phần pháp xứ và pháp giới.

Thức uẩn(): Ý xứ và bảy tâm giới. Ba uẩn còn lại và một phần sắc uẩn cùng các pháp vô vi thuộc về pháp xứ, pháp giới.

Giới là gì? Giữ gìn tự tướng, tánh của nó tự hoạt động không cần vào giới khác. (như mắt thấy không cần tai nghe; nghe không cần sắc giới)

Vì lý do gì nói uẩn, giới, xứ? Đối trị lần lược ba loại ngã chấp, ngã chấp về một tánh, ngã chấp về người nhận, ngã chấp về người làm. Thứ tự như vậy.

Lại nữa, mười tám giới này có bao nhiêu hữu sắc? Bao nhiêu vô sắc? Mười giới và một phần nhỏ tức là tự tánh của sắc uẩn các giới còn lại là vô sắc.

Có bao nhiêu giới thấy được? Chỉ có sắc giới thấy được.

Có bao nhiêu giới không thấy được? Các giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc về hữu đối (đối đãi)? Mười giới của sắc thuộc về sắc uẩn, do sự tiếp xúc trực tiếp giữa căn và trần gọi là hữu đối.

Có bao nhiêu giới không thuộc về đối đãi? Các giới còn lại.

Có bao nhiêu giới thuộc hữu lậu? Mười lăm giới và phần nhỏ của ba giới sau, vì từ chỗ đó phiền não phát sanh và hoạt động ngay chỗ đó.

Có bao nhiêu giới thuộc vô lậu?() Phần nhỏ của ba giới sau.

Có bao nhiêu giới thuộc về dục giới? Tất cả.

Có nhiều giới thuộc về sắc giới? Mười bốn giới trừ hương giới, vị giới và tỷ thức thiệt thức.

Có bao nhiêu giới thuộc về vô sắc giới?

Ba giới sau.

Có bao nhiêu giới không lệ thuộc? Các giới thuộc vô lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc về uẩn? Trừ vô vi.

Có bao nhiêu giới thuộc về thủ uẩn? Hữu lậu.

Có bao nhiêu giới thuộc về thiện, bất thiện, vô ký? Mười giới gồm chung ba tánh là bảy tâm giới, sắc giới, tinh giới và một phần pháp giới. Tám giới còn lại thuộc về vô ký.

Có bao nhiêu giới thuộc về bên trong? Mười hai giới, trừ sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp giới. Sắc giới, tinh, hương, vị, xúc và pháp giới thuộc bên ngoài.

Có bao nhiêu giới có duyên mới có? Bảy tâm giới và một phần pháp giới (một phần pháp giới chính là tâm sở).

Có bao nhiêu giới không cần duyên? Mười giới còn lại và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về phân biệt? Ý thức giới, ý giới và một phần pháp giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về chấp thọ (có cảm giác)? Năm giới bên trong (ngũ căn) và một phần của bốn giới (sắc, hương, vị, xúc)

Có bao nhiêu giới thuộc về phi chấp thọ (không có cảm giác)? Chín giới còn lại và một phần của bốn giới.

Có bao nhiêu giới thuộc về đồng phần? Ví dụ như năm căn bên trong thuộc sắc giới mỗi căn hoạt động cùng với đối tượng và thức của nó.

Bao nhiêu bị đồng phần? Tự mỗi thức không phải đồng phần (bị), tùy không gian thời gian, đồng loại với đồng phần (nên gọi là *bị đồng phần*).
(Xem Câu-xá – Đại Chính – No.1558 – tr10)

---o0o---

HẾT

-
- ¹ Bốn đại chủng: Bốn thành tố năng tạo. Đại: Bao trùm tất cả; Chủng: Hạt giống, thành tố sinh ra vật chất. Bốn đại chủng là bốn thành tố sinh ra tất cả vật chất.
- ² Sắc (Rupa): Hoại và ngại (có tính chất băng hoại và chướng ngại / chất ngại)
- ³ Giới (Dhatu): Phần vị, khu vực, lĩnh vực, phạm trù, phần đặc trưng...
- ⁴ Hiền sắc (varna-rupa): Màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, ánh sáng, cái bóng, sáng, tối, khói, mây, bụi, sương mù, hư không v.v... Hình sắc: Hình dạng như dài, ngắn, tròn, vuông, thô, tế, cao, thấp, ngay, cong v.v... Tức là ta có thể định vị (samsthana) được.
- ⁵ Biểu sắc (vijñapti-rupa): Sự cử động, hay hình dáng hoạt động hiện rõ như năm, bông, co, duỗi, đi, đứng, ngồi, nằm v.v... (PQĐTĐ, Tr 506b, dòng 6 từ phải sang).
- ⁶ Chấp thọ đại chủng (upatta-mahabhuta-hetuka - chấp thọ đại chủng vi nhn): Phần vật chất tiếp thu và giữ lấy cảm giác làm nhân: thân thể loài hữu tình.
- ⁷ Phi chấp thọ đại chủng (nopatta-mahabhuta): Phần vật lý của loài vô tình
- ⁸ Tướng (laksana): Hiện thức bằng được nhận biết bằng khái niệm.
- ⁹ Tâm sở (caitta): Những tâm lý phụ, phát sinh từ tâm vương, đồng sanh, đồng diệt, đồng căn, đồng cảnh với tâm vương. (tâm sở là chi phần, tâm vương là tổng thể)
- ¹⁰ Ba pháp: Căn, trần và thức
- ¹¹ Năng lực của tự thân: Lòng tự trọng của con người, tự mắc cỡ. Năng lực của pháp: Nhờ vào pháp, luật v.v... xấu hổ với mình khi phạm lỗi.
- ¹² Không có công dụng: Đạt được kết quả mà không lệ thuộc, không bị thôi lui.
- ¹³ Lobha (tham) từ ngữ căn “Ludh” nghĩa là ôm ấp, bấu lấy. Khi nào co vật gì tốt đẹp thì tham tâm khởi lên.
- ¹⁴ Dosa (sân) từ ngữ căn “dus” nghĩa là phật ý, không bằng lòng.
- ¹⁵ Mana (mạn) từ ngữ căn “man” nghĩa là suy nghĩ, kiêu ngạo, tự đắc tự đại. (Thắng Pháp Tập Yếu Luận, tập I tr.36-37 – HT Minh Châu dịch và chú)
- ¹⁶ Vô minh là phạm phu bị lệ thuộc bởi tham, sân, si nên không có trí tuệ để nhận biết nhân duyên nghiệp báo, không tin bốn Thánh quả, không thực hành bốn đề và không tin vào Tam Bảo.
- ¹⁷ Năm kiến này được gọi là năm bất chánh kiến vì bản chất của nó là làm cho trí tuệ bị nhiễm ô. Thân kiến gồm có 20 thứ, cho rằng sắc này là ta, ta là sắc, sắc thuộc ta, ta thuộc sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, cộng lại thành 20 kiến chấp. Biên kiến là chấp một phía, cho rằng thể giới này là thường còn nên gọi là thường kiến, hoặc chấp sau khi chết là hết nên gọi là đoạn kiến. Tà kiến là không hiểu nhân quả, cho chủ trương của mình, việc làm của mình hay tôn giáo mình v.v... là đúng nhưng trên thực tế thì sai, làm những việc xấu ác mà cho là thiện, là tốt. Kiến thủ là cho rằng Ta, Cái của ta v.v... là trên hết, là bậc nhất, là cùng cực nên gọi là kiến thủ.
- ¹⁸ Đăng chí: Tức là trạng thái nhập định, 1 trạng thái quân bình thân tâm trong khi nhập Thiền định.
- ¹⁹ Các Tâm và Tâm sở đi theo có hai trạng thái, hiện hành và không hiện hành. Dòng tâm A-lại-da thì không hiện hành, nhưng bảy tâm giới thì hiện hành. (Xem A lại da phần 18 giới ở sau)
- ²⁰ Mười xứ: (Ayatana) Ở đây là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; sắc, thanh, hương, vị và xúc xứ. Mười giới (Dhatu) tên gọi cũng như thế, chỉ đổi chữ “xứ” thành chữ “giới” mà thôi.
- ²¹ Pháp xứ (dharma-sthana): Một trong mười hai xứ, là đối tượng của ý căn.
- ²² Ý xứ (mana-sthana): Một trong mười hai xứ, tức tâm vương, trong ngũ uẩn nó là thức uẩn, trong mười tám giới nó là tâm giới thứ bảy. Ý xứ này có khả năng làm cho tâm và tâm sở sinh trưởng.

-
- ²³ Bảy tâm giới: Trong mười tám giới, sáu thức: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức, lại thêm ý căn nữa là thành bảy.
- ²⁴ 1. Có cái ngã độc lập; 2. Có cái ngã nhận biết; 3. Có cái ngã hành động.
- ²⁵ Một phần nhỏ là một phần pháp giới thuộc sắc.
- ²⁶ Hữu kiến là thấy được. Chỉ cho sắc cảnh.
- ²⁷ Mười giới này được bao hàm trong sắc uẩn được nói là hữu đối.
- ²⁸ Trong mười tám giới, ý căn giới, pháp giới và ý thức giới thông cả hữu lậu và vô lậu. Ngoài ra năm căn, năm cảnh và năm thức còn lại chỉ là hữu lậu.
- ²⁹ Hữu tình ở sắc giới không ăn bằng thức ăn như ở cõi dục, nên về phương diện ăn uống không còn có hai cảnh sở duyên là hương trần và vị trần, hai thức năng duyên là tỷ thức và thiệt thức. Tuy nhiên, dù cõi này không có hai thức, nhưng không phải là không có hai căn. Do duyên ái sáu căn nên nương vào nội thân mà phát sinh, chớ không nương vào ngoại cảnh để hiện khởi.
- ³⁰ Bảy tâm giới, pháp giới, thanh giới.